

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2020.

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Kim Thoa**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Cao Châu Tiếp**

2. Bà **Lý Thị Bé Năm**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thanh An**, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu**, kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 425/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2019 về tranh chấp: “Xin ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST-DS, ngày 02/6/2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Xuân Đ**, sinh năm 1990. (Có mặt)

- Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

- Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân Đ trình bày:*

Do quen biết tôi và anh Nguyễn Văn N tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND Xã T vào ngày 06/02/2017 quá trình chung sống đến đầu năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do gia đình chồng gây khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường L, sinh ngày 27/8/2017, sau khi ly hôn tôi yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh N

cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Thực hiện cấp dưỡng từ tháng 01/2019 cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi lao động được.

- Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong bản tự khai và các biên bản hòa giải như sau:*

Tôi và Nguyễn Thị Xuân Đ là vợ chồng đăng ký kết hôn năm 2017 tại UBND Xã T, thị xã C. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Đối với yêu cầu xin ly hôn của vợ tôi không đồng ý với lý do tôi còn thương vợ.

- Về hôn nhân: tôi không đồng ý ly hôn với Nguyễn Thị Xuân Đ

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường L, sinh ngày 27/8/2017, nếu tòa cho ly hôn tôi đồng ý giao con cho vợ, tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Đ trình bày ý kiến: yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ, thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi lao động được.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị Đ và anh N phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài (từ năm 2018 đến nay) nhưng vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận. Về con chung có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường L, sinh ngày 27/8/2017, chị Đ yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ là phù hợp đề nghị HĐXX chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung do cả 2 khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị Xuân Đ và anh Nguyễn Văn N chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND Xã T, thị xã C là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị Đ khai thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do gia đình chồng khó khăn, thường xuyên mâu thuẫn. Mặc dù đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, chị Đ có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh N. Anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai là vợ chồng có mâu thuẫn trong thời gian từ năm 2018 và đã ly thân từ đó đến nay, nhưng đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Đ thì anh N không đồng ý với lý do là còn thương vợ con. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Đ và anh N đã phát sinh trong thời gian dài (từ năm 2018 đến nay) nhưng vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được mặc dù đã được Tòa án hòa

giải động viên nhưng vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được từ đó xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị Đ và anh N khai có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường L, sinh ngày 27/8/2017, hiện đang sống với chị Đ, sau khi ly hôn chị Đ yêu cầu được quyền nuôi con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ/tháng/con chung. Anh N cũng trình bày ý kiến nếu Tòa án cho ly hôn thì anh cũng đồng ý giao con chung cho chị Đ nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con như yêu cầu của chị Đ. Xét thấy, yêu cầu của chị Đ là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 107, 110 Luật hôn nhân gia đình, cần buộc anh N cấp dưỡng nuôi con là cháu L mỗi tháng 1.500.000đ/tháng/con chung, cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: 2 bên đương sự thống nhất khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Văn N.

[3] Xét ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định. Anh N phải chịu án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân Đ. Cho chị Nguyễn Thị Xuân Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2/. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Tường L, sinh ngày 27/8/2017 cho chị Nguyễn Thị Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Anh Nguyễn Văn N được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh N thực hiện quyền này.

Buộc anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi lao động được. Thực hiện việc cấp dưỡng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ khi chị Nguyễn Thị Xuân Đ có đơn yêu cầu nếu anh Nguyễn Văn N chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3/. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm; được khấu trừ 300.000 đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000221 ngày

02/12/2019, của chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, cần trừ xem như chị Đ đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

4/. Chị Nguyễn Thị Xuân Đ, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND Xã T, TXCL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa